TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/KDTM-ST
Ngày: 20-11-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vận chuển hàng hóa". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2019/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V

Địa chỉ: Đường T, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng V, sinh năm: 1960, văn bản ủy quyền ngày 29/5/2019; địa chỉ: Đường số h, Phường K, quận G, TP. Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2/ Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sắt thép M

Địa chỉ: Đường số W, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P, chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Đường Â, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2019, bản tự khai, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V do ông Nguyễn Đăng V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 21/9/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (sau đây viết tắt là Công ty V) và Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M (sau đây viết tắt là Công ty M) có ký hợp đồng số 2109/2018/HĐVC về việc vận chuyển cát. Địa điểm lấy cát là khu vực Công ty sắt Hòa Phát tại Quảng Ngãi, địa điểm đổ cát là Vịnh An Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Giá tiền vận chuyển là 2.600đồng/m3/km và phương thức thanh toán tiền vận chuyển được nêu rõ trong hợp đồng số 2109/2018/HĐVC.

Thực hiện hợp đồng hai bên đã ký, Công ty V đã vận chuyển cát cho Công ty M đúng như thỏa thuận. Chi phí vận chuyển từ ngày 29/9/2018 cho đến ngày 29/11/2018 là 1.322.569.670đ (một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng). Hai bên đã lập biên bản đối chiếu thanh toán, có sự xác nhận của Công ty M. Cụ thể Công ty M còn thiếu nợ Công ty V tiền vận chuyển cát là 1.322.569.670đồng. Đã nhiều lần Công ty V yêu cầu Công ty M trả số nợ nêu trên nhưng Công ty M không thực hiện. Do đó, Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty M thanh toán cho Công ty V số nợ là 1.322.569.670đồng (một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng).

Ngày 01/10/2019, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại số tiền 29.300.000đ (hai mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng) tại mục III các khoản chi hộ tại bản đối chiếu thanh toán từ ngày 29/9/2018 đến 29/11/2018. Do đó, Công ty V yêu cầu Công ty M trả số tiền còn lại là 1.293.269.670đ (một tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Công ty Trách nhiệm hữu hạn sắt thép M do bà Nguyễn Thị P đại diện theo pháp luật vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đăng V đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sắt thép M do bà Nguyễn Thị P đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Giữa nguyên đơn là Công ty V và bị đơn là Công ty M có ký kết hợp đồng số 2109/2018/HĐVC ngày 21/9/2018 về việc vận chuyển cát. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty V đã vận chuyển cát cho công ty M nhưng Công ty M chưa thanh toán tiền chi phí vận chuyển. Tại biên bản đối chiếu thanh toán thì số tiền Công ty M còn nợ lại là 1.322.569.670đồng (một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng).

Ngày 01/10/2019, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại số tiền 29.300.000đ (hai mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng) tại mục III các khoản chi hộ tại bản đối chiếu thanh toán từ ngày 29/9/2018 đến 29/11/2018. Do đó, Công ty V yêu cầu Công ty M trả số tiền còn lại là 1.293.269.670đ (một tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng). Việc Công ty M không thanh toán số tiền nêu trên là vi phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M do bà Nguyễn Thị P đại diện theo pháp luật theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M do bà Nguyễn Thị P đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án giải quyết vắng mặt theo thủ tục chung.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M tranh chấp về hợp đồng vận chuyển hàng hóa đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M có địa chỉ tại đường số W, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[**2**]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 21/9/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (sau đây viết tắt là Công ty V) và Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M (sau đây viết tắt là Công ty M) có ký hợp đồng số 2109/2018/HĐVC về việc vận chuyển cát. Thực hiện hợp đồng, Công ty V đã vận chuyển cát cho Công ty M đúng như thỏa thuận. Hai bên đã lập biên bản đối chiếu thanh toán từ ngày 29/9/2018 cho đến ngày 29/11/2018 có sự xác nhận của

Công ty M còn thiếu nợ Công ty V tiền vận chuyển cát là 1.322.569.670đồng (một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng).

[2.2] Căn cứ hợp đồng vận chuyển cát số 2109/2018/HĐVC ngày 21/9/2018 giữa Công ty V và Công ty M và biên bản đối chiếu thanh toán từ ngày 29/9/2018 cho đến ngày 29/11/2018 có sự xác nhận của Công ty M thì Công ty V đã vận chuyển cát cho Công ty M đúng như thỏa thuận mà hai bên đã ký.

[2.3] Tại biên bản đối chiếu thanh toán từ ngày 29/9/2018 đến 29/11/2018 có xác nhận giữa bên thuê là Công ty M và bên vận chuyển là Công ty V thì số nợ còn lại mà Công ty M chưa thanh toán cho Công ty V là 1.322.569.670đồng (một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng). Theo Điều 3 của hợp đồng vận chuyển cát số 2109/2018/HĐVC ngày 21/9/2018 thì Công ty M phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty V nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán là không phù hợp, vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.4] Ngày 01/10/2019, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại số tiền 29.300.000đ (hai mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng) tại mục III các khoản chi hộ tại bản đối chiếu thanh toán từ ngày 29/9/2018 đến 29/11/2018. Do đó, Công ty V yêu cầu Công ty M trả số tiền còn lại là 1.293.269.670đ (một tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng). Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán số tiền còn nợ là 1.293.269.670đ (một tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) cho nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các điều 24, 50 và 55 Luật Thương mại năm 2005, Điều 3 của hợp đồng vận chuyển cát số 2109/2018/HĐVC ngày 21/9/2018 giữa Công ty V và Công ty M. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 1.293.269.670đ (một tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[**3**] Về tiền lãi chậm thanh toán, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền còn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**4**]. Về án phí Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 50.798.090 (năm mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, không trăm chín mươi đồng) do Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M phải chịu.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V không phải nộp án phí Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V số tiền 25.838.545đ (hai mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 207, Điều 218; khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút tại mục III các khoản chi hộ tại bản đối chiếu thanh toán từ ngày 29/9/2018 đến 29/11/2018, với số tiền là 29.300.000đ (hai mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V số tiền là 1.293.269.670đ (một tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền như đã nêu trên thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M còn phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 50.798.090 (năm mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, không trăm chín mươi đồng) do Công ty trách nhiệm hữu hạn sắt thép M phải chịu.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V không phải chịu án phí Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V số tiền 25.838.545đ (hai mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011237 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục Thi hành án Quận 6;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thụy Bích Ngọc